

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định

Kính gửi: Đoàn Giám sát Quốc hội khóa XV

Thực hiện Văn bản số 349/ĐGS-DT ngày 07/12/2022 của Đoàn Giám sát Quốc hội khóa XV về việc báo cáo việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình MTQG), UBND tỉnh Bình Định báo cáo việc triển khai thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh như sau:

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Khái quát đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội

1.1. Đặc điểm tự nhiên

Bình Định là một trong những tỉnh thuộc khu vực Duyên hải Nam Trung bộ, có diện tích tự nhiên 6.071 km², lãnh thổ trải dài 110 km theo hướng Bắc - Nam, với chiều dài bờ biển 134 km, diện tích vùng lãnh hải 36.000 km², là cửa ngõ ra biển của các tỉnh Tây Nguyên và vùng Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và có vị trí chiến lược quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, nhất là kinh tế biển. Địa hình của tỉnh tương đối phức tạp, thấp dần từ Tây sang Đông, với độ chênh lệch khá lớn (khoảng 1.000m).

Khí hậu Bình Định thuộc khí hậu Duyên hải Nam Trung Bộ - miền khí hậu đông Trường Sơn. Có hai mùa rõ rệt, mùa khô từ tháng 01 đến tháng 8, mùa mưa từ tháng 9 đến hết tháng 12, trong mùa mưa thường chịu ảnh hưởng các cơn bão với tần suất trung bình từ 1 - 2 cơn/năm. Mùa mưa ngắn nhưng chiếm 70% đến 80% tổng lượng mưa năm, cường độ mưa lớn nên thường gây ngập, úng làm thiệt hại cho sản xuất và đời sống nhân dân trong vùng.

Sông ngòi: Bình Định có khá nhiều sông. Các sông ngòi không lớn, độ dốc cao, ngắn, hàm lượng phù sa thấp, tổng trữ lượng nước khoảng 5,2 tỷ m³. Có 4 sông lớn là: sông Lại Giang, sông Kôn, sông La Tinh và sông Hà Thanh.

1.2. Đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội

1.2.1. Đặc điểm kinh tế

- Toàn tỉnh có 8 huyện, 2 thị xã và 1 thành phố; có 159 xã, phường, thị trấn; Thành phố Quy Nhơn là đô thị loại I, là cực tăng trưởng phía Nam của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Trong tương lai, Quy Nhơn được định hướng phát triển thành trung tâm văn hóa phía Nam của vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ.

- Dân số tỉnh Bình Định hiện nay trên 1,5 triệu người (trong đó 60% dân số trong độ tuổi lao động); GRDP bình quân đầu người là 70,79 triệu đồng (năm 2022).

- Theo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), năm 2021 tỉnh Bình Định đứng thứ 11/63 tỉnh, thành và đứng thứ 3/12 địa phương thuộc khu vực Duyên hải miền Trung của Việt Nam.

- Bình Định có hệ thống giao thông cơ bản hoàn thiện, đồng bộ, kết nối thuận lợi giữa các vùng, với đầy đủ các phương thức vận tải (như: đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đường biển). Đặc biệt có Cảng biển quốc tế Quy Nhơn là cảng biển lớn của Việt Nam, Cảng hàng không Phù Cát đang tiếp tục nâng cấp, mở rộng để được quy hoạch thành sân bay quốc tế. Ga Diêu Trì của Bình Định là 01 trong 10 ga lớn nhất của cả nước.

- Hiện có 5 tuyến quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh (trong đó đang hình thành các tuyến cao tốc). Bên cạnh đó, các tuyến đường kết nối cảng Quy Nhơn, sân bay Phù Cát, ga Diêu Trì với các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu đô thị, khu du lịch, nhất là hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp với tổng diện tích 15.300 ha và hạ tầng cụm công nghiệp với tổng diện tích 2.940 ha.

- Ngành công nghiệp Bình Định duy trì mức tăng trưởng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng hàng năm, cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp trong GRDP. Một số ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế và có bước phát triển khá như chế biến gỗ, đá ốp lát, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, sản xuất hàng may mặc, bia, sữa, dược phẩm, cơ khí, năng lượng tái tạo... .

- Sản xuất nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Mặc dù chịu tác động ngày càng lớn của thiên tai, dịch bệnh, tuy nhiên, sản xuất nông lâm thủy sản của tỉnh đã liên tục duy trì tốc độ tăng trưởng; Công tác ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chế biến ngày càng mang lại hiệu quả cao; đã hình thành vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động... đạt kết quả tích cực; công tác giảm nghèo tiếp tục được triển khai đồng bộ, tỷ lệ hộ nghèo bình quân toàn tỉnh theo chuẩn nghèo đa chiều giảm (năm 2022 giảm 2,15%).

1.2.2. Đặc điểm xã hội

- Về văn hóa, tỉnh Bình Định là mảnh đất giàu truyền thống văn hóa - lịch sử - cách mạng, gắn với tên tuổi người Anh hùng kiệt xuất Quang Trung - Nguyễn Huệ; là cái nôi của các loại nghệ thuật truyền thống độc đáo đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Đây còn là nơi sinh ra và nuôi dưỡng nhiều danh nhân văn hóa, nhà thơ lớn của đất nước. Đồng thời, là một trong số ít các địa phương khu vực miền Trung có nhiều lễ hội đặc sắc, nhiều làng nghề truyền thống và một nền ẩm thực độc đáo mang phong vị riêng.

- Về giáo dục, quy mô giáo dục, mạng lưới trường, lớp học mầm non, phổ thông và các cơ sở dạy nghề phát triển phù hợp với phân bố dân cư và địa hình của tỉnh. Chất lượng giáo dục toàn diện, hiệu quả giáo dục tiếp tục có những chuyển biến rõ nét ở các cấp học. Cơ sở vật chất trường, lớp học được chú trọng đầu tư theo hướng kiên cố hoá, chuẩn hóa. Công tác xã hội hóa giáo dục đã đạt được những kết quả quan trọng, nhất là huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học.

- Về Y tế, tỉnh tích cực triển khai các Chương trình y tế Quốc gia, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm. Chất lượng khám chữa bệnh tiếp tục được nâng cao. Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố và tăng cường. Hầu hết bệnh viện và cơ sở y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện được bố trí kinh phí từ nhiều nguồn vốn khác nhau để đầu tư xây mới, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và mua sắm, bổ sung các trang thiết bị y tế phù hợp với phân tuyến kỹ thuật.

- Về khoa học và công nghệ, tập trung trên một số lĩnh vực như công nghệ sinh học, kiểm định, đo lường chất lượng sản phẩm, hàng hóa, ứng dụng giống mới, kỹ thuật canh tác phòng trừ dịch, hại tổng hợp, thay đổi mùa vụ, cơ cấu cây trồng. Đặc biệt, tỉnh đã đầu tư xây dựng công trình Tổ hợp không gian khoa học, với mục tiêu xây dựng một tổ hợp khoa học đại chúng đầu tiên tại Việt Nam, chú trọng đến việc đưa khoa học tới quần chúng và phát triển tình yêu khoa học cho nhân dân, đặc biệt là giới trẻ.

- Về đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm 39 dân tộc thiểu số sinh sống ở 33 xã, thị trấn thuộc 6 huyện; diện tích tự nhiên chiếm 48,4% so với diện tích tự nhiên của tỉnh. Đến cuối năm 2021, có 11.343 hộ, 41.445 người, chiếm khoảng 2,52% dân số toàn tỉnh, trong đó chủ yếu là 3 dân tộc Chăm, Bana, H'rê. Các xã, thôn đặc biệt khó khăn được tập trung đầu tư đồng bộ theo tiêu chí nông thôn mới, diện mạo vùng đồng bào DTTS và miền núi có những thay đổi đáng kể; văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, phong tục tập quán sản xuất của đồng bào DTTS từng bước được cải thiện, cơ cấu cây trồng vật nuôi được chuyển đổi; Tình hình an ninh, trật tự tuyến núi của tỉnh cơ bản ổn định; khối đại đoàn kết dân tộc không ngừng được xây dựng, củng cố và phát triển.

2. Khái quát về mục tiêu, nhiệm vụ, nguồn lực thực hiện 3 Chương trình MTQG

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Tổ chức thực hiện có chất lượng và hoàn thành chỉ tiêu được giao tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục triển khai Chương trình gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hoá, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới cấp thôn, làng. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, thúc đẩy bình đẳng giới. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

2.1.2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm bình quân chung của tỉnh từ 1,5%-2%/năm, trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm từ 3% đến 4%/năm; Tỷ lệ hộ nghèo ở huyện nghèo An Lão giảm bình quân trên 5%/năm.

2.1.3. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Khai thác tiềm năng, lợi thế của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN); đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập bình quân của vùng so với bình quân chung của cả nước; giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn; quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người DTTS; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các DTTS đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

2.2. Nhiệm vụ

2.2.1. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động xã hội sâu rộng về xây dựng NTM.

Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền và tổ chức các phong trào thi đua xây dựng NTM từ tỉnh đến cơ sở; Đẩy mạnh phong trào thi đua “Tỉnh Bình Định chung sức xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, giai đoạn 2021-2026”; “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh” và “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”. Nâng cao vai trò, trách nhiệm cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là vai trò người đứng đầu trong xây dựng NTM.

- Triển khai, hướng dẫn các cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ thực hiện các nội dung của Chương trình theo hướng nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu và bền vững.

- Thực hiện hiệu quả 11 nội dung của Chương trình; các chương trình chuyên đề thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM nhằm nâng cao chất lượng đời sống của người dân nông thôn và giải quyết các vấn đề bức xúc, tồn tại trong xây dựng NTM.

- Kiện toàn bộ máy tổ chức tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025, theo hướng kế thừa bộ máy đã được xây dựng giai đoạn 2016-2020; điều chỉnh bổ sung một số nhiệm vụ mới cho phù hợp với Chương trình giai đoạn 2021-2025.

- Huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình. Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định; Huy động tối đa nguồn lực của địa phương (huyện, xã) để tổ chức triển khai Chương trình. Thực hiện lồng ghép hiệu quả nguồn vốn của 03 chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn nông thôn giai đoạn 2021- 2025 để hỗ trợ các địa phương hoàn thành các mục tiêu xây dựng NTM. Tăng cường vận động các tổ chức kinh tế hỗ trợ các địa phương thực hiện xây dựng NTM; vận động người dân tiếp tục tham gia đóng góp xây dựng NTM theo nguyên tắc tự nguyện cho từng dự án, nội dung cụ thể, do Hội đồng nhân dân xã thông qua.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

2.2.2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác giảm nghèo. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ; khơi dậy ý chí tự lực tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo. Đổi mới, đẩy mạnh, nâng cao chất lượng phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau", phấn đấu "Vì một Việt Nam không còn đói nghèo".

- Ban hành Chương trình giảm nghèo bền vững của tỉnh giai đoạn 2021-

2025, đặt ra các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về giảm nghèo ở từng cấp, từng ngành nhằm tạo động lực cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương nỗ lực phấn đấu thực hiện đạt kết quả. Tăng cường vai trò chủ động của cấp xã, cộng đồng thôn trong việc lựa chọn, đề xuất các công trình được đầu tư, không dàn trải, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở để người dân tham gia thi công, quản lý, giám sát đầu tư, khai thác, sử dụng các công trình cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ và các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Ngân sách nhà nước Trung ương giữ vai trò chủ đạo, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương đảm bảo tỷ lệ vốn góp, phù hợp với tình hình thực tế và tăng cường các nguồn huy động, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh.

- Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các dự án, chính sách, chương trình. Áp dụng cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện một số nội dung, hoạt động có sự đóng góp và tham gia thực hiện của cộng đồng, người dân.

- Thực hiện cơ chế đặt hàng xây dựng, hình thành, nhân rộng và phát triển dự án mô hình giảm nghèo nông nghiệp, phi nông nghiệp, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đa dạng hóa sinh kế cho người nghèo. Hỗ trợ các tổ nhóm, cộng đồng, doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở kinh doanh; cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, kỹ thuật triển khai thực hiện các dự án giảm nghèo nông nghiệp và phi nông nghiệp, cung ứng dịch vụ, kết nối thị trường các sản phẩm, hàng hóa của người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Đổi mới phương pháp thực hiện các hoạt động nâng cao năng lực, hạn chế thời lượng giảng dạy lý thuyết, tăng cường trao đổi, tương tác, thực hành, trải nghiệm gắn với từng công trình, dự án, tổ nhóm cụ thể.

- Kiểm tra và giám sát, đánh giá chặt chẽ, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, theo sự phân cấp quản lý dự án, chính sách của các chương trình, có sự tham gia của các tổ chức, cá nhân, người dân, nhóm cộng đồng ở cơ sở; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát, đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả hoạt động của chương trình.

2.2.3. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung cho các xã, thôn ĐBKK; Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình, hài hòa các cơ chế, quy trình áp dụng thống nhất trong các dự án, tiểu dự án của Chương trình;

- Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn để thực hiện Chương trình, trong đó ngân sách nhà nước đóng vai trò quan trọng và có ý nghĩa quyết định; có giải

pháp huy động hợp lý các nguồn vốn ODA; tăng cường huy động các nguồn đóng góp hợp pháp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; bảo đảm cân đối, bố trí theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của các địa phương và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng.

- Ưu tiên bố trí ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương để đầu tư các công trình giao thông kết nối, công trình điện lưới quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh cho các huyện nghèo có nhiều xã, thôn đặc biệt khó khăn; đầu tư trường dân tộc nội trú cho các huyện có đông đồng bào DTTS sinh sống, có nhiều xã đặc biệt khó khăn nhưng chưa có địa điểm hoặc phải thuê địa điểm hoạt động; Thực hiện cơ chế đặc thù trong tổ chức quản lý, thực hiện Chương trình phù hợp với vùng đồng bào DTTS&MN theo quy định; Xây dựng và ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh;

- Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng mục tiêu của Chương trình đến mọi cấp, mọi ngành, các tầng lớp dân cư và người DTTS nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong công tác dân tộc, chính sách dân tộc, giảm nghèo vùng đồng bào DTTS&MN; khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người DTTS, nhất là người DTTS nghèo.

- Tăng cường nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào DTTS&MN để phục vụ công tác dự tính, dự báo, hoạch định, quản lý thực hiện chính sách dân tộc.

- Kiểm tra và giám sát, đánh giá chặt chẽ, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, theo sự phân cấp quản lý dự án, chính sách của các chương trình. Hoạt động kiểm tra và giám sát, đánh giá có sự tham gia của các tổ chức, cá nhân, người dân, nhóm cộng đồng ở cơ sở; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát, đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả hoạt động của Chương trình; Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Phòng, chống, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện Chương trình.

2.3. Địa bàn thực hiện

2.3.1. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Trên địa bàn 02 huyện thực hiện xây dựng nông thôn mới (Phù Mỹ, Tây Sơn), 01 huyện thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao (Tuy Phước), 19 xã thực hiện xây dựng nông thôn mới, 42 xã thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, 10 xã thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu và 72 thôn (làng) đặc biệt khó khăn thực hiện xây dựng nông thôn mới cấp thôn trong giai đoạn 2021-2025.

2.3.2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

- Đối với vốn đầu tư phát triển:

+ Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 1: trên địa bàn huyện nghèo An Lão theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Tiêu dự án 1, 3 thuộc Dự án 4: Trên phạm vi toàn tỉnh.

- Đối với vốn sự nghiệp: Trên phạm vi toàn tỉnh.

2.3.3. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- 22 xã thuộc khu vực III (bao gồm: H. An Lão có 8 xã, thị trấn; H. Vĩnh Thạnh có 5 xã; H. Vân Canh có 5 xã, thị trấn; H. Hoài Ân có 3 xã và H. Tây Sơn có 1 xã) đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021;

- 7 thôn ĐBKK (bao gồm: H. An Lão có 1 thôn thuộc xã An Tân; H. Vĩnh Thạnh có 5 thôn thuộc TT. Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Thịnh, xã Vĩnh Hảo; H. Tây Sơn có 01 thôn thuộc xã Tây Xuân) đã được Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành tại Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021.

2.4. Nguồn lực thực hiện

Giai đoạn 2021-2025, tỉnh Bình Định được giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 là 1.147.973 triệu đồng¹. Riêng năm 2022, Bình Định được trung ương giao dự toán là 442.757 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 305.055 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 137.702 triệu đồng².

UBND tỉnh đã triển khai phân bổ cho các dự án thành phần giai đoạn 2021-2025 và chi tiết danh mục công trình năm 2022 của cả 03 Chương trình MTQG³; đồng thời bổ sung vốn ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện 03 Chương trình MTQG với tổng số vốn là 200 tỷ đồng, trong đó năm 2022 là 60 tỷ đồng⁴.

(Phụ lục 1: Nguồn lực thực hiện các dự án, tiêu dự án của từng chương trình)

¹ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 425.000 triệu đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 264.230 triệu đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 458.743 triệu đồng.

² Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 166.460 triệu đồng (ĐTPT: 136.490 triệu đồng, sự nghiệp: 29.970 triệu đồng); Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 129.241 triệu đồng (ĐTPT: 84.449 triệu đồng, sự nghiệp: 44.792 triệu đồng); Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 147.056 triệu đồng (ĐTPT: 84.116 triệu đồng, sự nghiệp: 62.940 triệu đồng).

³ Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022.

⁴ Quyết định số 2979/QĐ-UBND ngày 15/09/2022 về Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022; Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 về Phân bổ vốn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Phần 1

CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Tổ chức bộ máy thực hiện

Nhằm triển khai tổ chức thực hiện và quản lý các CTMTQG giai đoạn 2021-2025, trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Trung ương, UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo các CTMTQG tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025⁵, trong đó: Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh làm Trưởng ban, các Phó Trưởng ban gồm: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh; ngoài ra, cơ quan thường trực và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo, gồm có:

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo.

+ Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo về CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo về CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo về CTMTQG về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025.

Đồng thời, tỉnh đã ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo⁶ và thành lập các Tổ giúp việc⁷ của Ban Chỉ đạo CTMTQG tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025; Ban hành Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện dự án đầu tư thuộc các CTMTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định⁸.

2. Về văn bản hướng dẫn thực hiện

2.1. Triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của Trung ương

Nhìn chung, các bộ, ngành trung ương đã có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong việc phối hợp triển khai và hướng dẫn thực hiện các Chương trình MTQG tương đối đầy đủ, giúp địa phương có cơ sở triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

⁵ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025.

⁶ Quyết định số 185/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 29/7/2022 về việc ban hành Quy chế hoạt động Ban Chỉ Đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025.

⁷ Thành lập Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 3200/QĐ-CTUBND ngày 3/10/2022 CTMTQG XDNTM; Quyết định số 1971/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 CTMTQG GNBV; Quyết định số 186/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 02/8/2022 CTMTQG DTT&MN).

⁸ Quyết định số 74/2022/QĐ-UBND ngày 16/12/2022.

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số bất cập, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện các văn bản hướng dẫn của Trung ương. Một số chính sách chưa được hướng dẫn, giải quyết, tháo gỡ kịp thời.

(Phụ lục 2: Danh mục văn bản hướng dẫn của Trung ương, nêu cụ thể các vướng mắc, khó khăn)

2.2. Ban hành văn bản hướng dẫn theo thẩm quyền

2.2.1. Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành chung các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh

2.2.2. Ban hành và triển khai cụ thể hóa các quy định của văn bản Trung ương đối với 3 Chương trình MTQG

(Phụ lục 3. Danh mục văn bản chỉ đạo, điều hành chung và triển khai thực hiện đối với từng chương trình cụ thể của tỉnh)

3. Về lập kế hoạch, phân bổ ngân sách và thực hiện dự toán

UBND tỉnh đã xây dựng Kế hoạch triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia⁹, trong đó có dự kiến nguồn vốn phân bổ cho từng Chương trình giai đoạn 2021-2025.

UBND tỉnh đã triển khai phân bổ cho các dự án thành phần giai đoạn 2021-2025 và chi tiết danh mục công trình năm 2022 của cả 03 Chương trình MTQG theo Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022.

Đồng thời bổ sung vốn ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện 03 Chương trình MTQG trong năm 2022 theo Quyết định số 2979/QĐ-UBND ngày 15/09/2022 về Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022; Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 về Phân bổ vốn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

(Phụ lục 4.1, 4.2, 4.3: Chi tiết về việc phân bổ vốn cho từng hạng mục)

4. Về công tác thông tin, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thực hiện

4.1. Về công tác thông tin, tuyên truyền việc triển khai thực hiện

Đẩy mạnh triển khai Kế hoạch thông tin, tuyên truyền về chủ trương, cơ chế, chính sách thực hiện các dự án thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (Nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững và Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN) đã được UBND tỉnh phê duyệt, nhằm tạo sự ủng hộ, đồng thuận của các tầng lớp nhân dân trong quá trình tổ chức thực hiện các chương

⁹ Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 (CTMTQG XDNTM); Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 (CTMTQG GNBV); Quyết định số 2434/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 (CTMTQG DTTS&MN) của UBND tỉnh.

trình nêu trên¹⁰.

4.2. Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán

UBND tỉnh đã ban hành các Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 cho từng chương trình cụ thể¹¹. Đã phân công các cơ quan chủ 3 CTMTQG thành lập Tổ công tác, Đoàn kiểm tra liên ngành, tiến hành kiểm tra, đánh giá, nhằm đôn đốc, hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện nội dung các CTMTQG tại các địa phương thụ hưởng.

Phần 2

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Kết quả chung 3 Chương trình MTQG

1.1. Đánh giá hiệu quả tác động các chỉ tiêu kinh tế-xã hội sau 2 năm triển khai thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh

Qua quá trình triển khai thực hiện, các cấp ủy, chính quyền, địa phương, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã tập trung quán triệt, triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh. Qua đó, đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần đảm bảo các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tất cả 19/19 chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội đạt và vượt kế hoạch. Kinh tế của tỉnh tiếp tục tăng trưởng, tổng sản phẩm địa phương (GRDP) tăng 8,57% , trong đó; nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 3,26%, công nghiệp và xây dựng tăng 8,55% (riêng công nghiệp tăng 9,29%), dịch vụ tăng 12,61%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 6%. Cơ cấu kinh tế: nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 28,4% (cùng kỳ 29,38%), công nghiệp - xây dựng chiếm 29,08% (cùng kỳ 29,09%), dịch vụ chiếm 38,14% (cùng kỳ 37,02%), thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,58% (cùng kỳ 4,51%). Các hoạt động văn hóa - xã hội có nhiều tiên bộ. An sinh xã hội được đảm bảo, đời sống của Nhân dân trong tỉnh cơ bản ổn định. Quốc phòng - an ninh được tăng cường, trật tự xã hội được giữ vững. Hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố, kiên toàn.

(Phụ lục 5: Về thay đổi các chỉ tiêu kinh tế-xã hội kèm theo)

1.2. Về nguồn vốn và huy động nguồn vốn thực hiện các Chương trình

¹⁰ Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 về Ban hành Kế hoạch truyền thông phục vụ Chương trình MTQG xây dựng NTM; Quyết định số 2655/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 về Ban hành Kế hoạch Truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

¹¹ Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 về Ban hành Kế hoạch giám sát, đánh giá năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 26/8/2022 về kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Trong năm 2022, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư đã khẩn trương triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần của các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh. Tổng số vốn giải ngân 03 Chương trình MTQG đến hết năm 2022 (vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp) là 167.005 triệu đồng/442.757 triệu đồng (đạt tỷ lệ 37,72%). Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển của 03 Chương trình MTQG đến hết năm 2022 đã giải ngân 122.913 triệu đồng/305.055 triệu đồng (đạt tỷ lệ 40,29%); Trong đó, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đã giải ngân 87.692 triệu đồng/136.490 triệu đồng (đạt tỷ lệ 64,25%); Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững đã giải ngân 11.600 triệu đồng/84.449 triệu đồng (đạt tỷ lệ 13,74%) và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã giải ngân 23.621 triệu đồng/84.116 triệu đồng (đạt tỷ lệ 28,08%).

- Vốn sự nghiệp của 03 Chương trình MTQG đến hết năm 2022 đã giải ngân 44.092 triệu đồng/137.702 triệu đồng (đạt tỷ lệ 32,02%); Trong đó, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đã giải ngân 10.649 triệu đồng/29.970 triệu đồng (đạt tỷ lệ 35,53%); Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững đã giải ngân 10.894 triệu đồng/44.792 triệu đồng (đạt tỷ lệ 24,32%) và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã giải ngân 22.549 triệu đồng/62.940 triệu đồng (đạt tỷ lệ 35,83%).

1.3. Việc lồng ghép về chỉ đạo, điều hành, địa bàn, nguồn vốn thực hiện các chương trình trên địa bàn tỉnh

Ngoài nguồn vốn ngân sách Trung ương đã được phân bổ theo Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 9/8/2022 của UBND tỉnh thì Tỉnh cũng đã phân rã nguồn vốn đối ứng của tỉnh cho các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định, ngoài ra còn có sự lồng ghép của các Chương trình, Đề án khác cũng như vốn đối ứng của ngân sách huyện, xã và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để thực hiện hiệu quả Chương trình.

Trên cơ sở các chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, quyết định phân bổ vốn của tỉnh; các sở, ngành liên quan chủ động hướng dẫn, kiểm tra hoặc tham mưu kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện tại các địa phương thụ hưởng chương trình, nhất là UBND cấp xã.

1.4 Kết quả đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của 3 Chương trình (phân tích khả năng hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu đặt ra đến năm 2025)

Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2022 giao muộn; đồng thời một số văn bản hướng dẫn thực hiện nguồn vốn thuộc các Chương trình MTQG chậm ban hành, dẫn đến năm 2022 tỉnh chỉ giải ngân được 59,08% số vốn đã phân bổ. Vừa qua, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 69/2022/QH15 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, trong đó cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư và sự nghiệp của ngân sách trung ương trong nước năm 2022 (bao gồm cả kế hoạch năm 2021 đã được kéo dài sang năm 2022) của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia chưa giải ngân đến hết ngày 31/12/2023.

Trong thời gian tới, các chủ đầu tư sẽ tiếp tục đẩy nhanh hoàn thiện các thủ tục để triển khai các dự án đảm bảo đúng quy định theo các hướng dẫn đã ban hành. Dự kiến đến năm 2025 sẽ phân đầu hoàn thành 100% mục tiêu, chỉ tiêu theo Kế hoạch thực hiện Chương trình đề ra trên địa bàn tỉnh.

2. Kết quả thực hiện các Chương trình MTQG

2.1. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

2.1.1. Kết quả thực hiện Chương trình đến hết năm 2021

- Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới: Toàn tỉnh có 05 đơn vị cấp huyện (thị xã Hoài Nhơn, thị xã An Nhơn, thành phố Quy Nhơn, huyện Tuy Phước và huyện Phù Cát) được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới (đạt tỷ lệ 45,45%); có 83/113 xã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (đạt tỷ lệ 73,45%); 07/83 xã đạt chuẩn nông thôn mới được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đạt tỷ lệ 8,43%).

2.1.2. Kết quả thực hiện năm 2022

- Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành một số chỉ tiêu và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; theo đó, kế hoạch năm 2022, có thêm 04 xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025. Qua rà soát, đánh giá theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, dự kiến đến cuối năm 2022, có thêm 04 xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; lũy kế đến hết năm 2022 có 87/133 xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (đạt tỷ lệ 77,0%).

Ngoài ra, triển khai kế hoạch thực hiện nông thôn mới nâng cao, dự kiến năm 2022 có thêm từ 5- 6 xã hoàn thành Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

- Về triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP): Toàn tỉnh có 133 sản phẩm được UBND tỉnh phê duyệt công nhận sản phẩm đạt OCOP cấp tỉnh (06 sản phẩm đạt hạng tiềm năng 5 sao, 14 sản phẩm đạt hạng 4 sao, 113 sản phẩm đạt hạng 3 sao); dự kiến, trong năm 2022, tổ chức đánh giá, xếp hạng sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP cấp tỉnh cho khoảng 80 sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP cấp tỉnh năm 2022.

2.1.3. Kết quả phân bổ, giải ngân vốn so với kế hoạch

- Kết quả phân bổ, sử dụng vốn tỉnh:

+ Đối với xã đăng ký thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022: Đã phân bổ ngân sách tỉnh hỗ trợ 6,25 tỷ đồng/xã (riêng xã Canh Hiền, huyện Vân Canh là 5 tỷ đồng/xã - xã mới bổ sung kế hoạch đạt chuẩn năm 2022), với tổng kinh phí là 30 tỷ đồng.

+ Đối với các xã đăng ký thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổng hợp danh mục đầu

tư theo chính sách hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao của tỉnh và trình UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ (5 tỷ đồng/xã).

- Kết quả phân bổ, sử dụng vốn ngân sách Trung ương: đã kịp thời tham mưu, đề xuất thông qua HĐND tỉnh phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022 và giai đoạn 2021-2025 theo đúng quy định; trong đó: Năm 2022 với tổng kinh phí là 166,46 tỷ đồng (trong đó: vốn sự nghiệp 29,97 tỷ đồng; vốn đầu tư phát triển là 136,49 tỷ đồng) và giai đoạn 2021-2025 với tổng kinh phí là 425 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 4.1, 6 đính kèm)

2.1.4. Kết quả đạt được các tiêu chí về nông thôn mới

- Đến nay, toàn tỉnh có 05 đơn vị cấp huyện (thị xã Hoài Nhơn, thị xã An Nhơn, thành phố Quy Nhơn, huyện Tuy Phước và huyện Phù Cát) được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới (đạt tỷ lệ 45,45%); có 83/113 xã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (đạt tỷ lệ 73,45%); 07/113 xã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (chiếm 7,07%).

- Đối với kế hoạch xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022, gồm 05 xã: Mỹ Thắng, Mỹ Đức, huyện Phù Mỹ; Ân Nghĩa, huyện Hoài Ân; Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh; Canh Hiền, huyện Vân Canh. Kết quả đến nay như sau:

+ Có 03 xã đánh giá đạt 19/19 tiêu chí gồm: Mỹ Đức, huyện Phù Mỹ; Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh; Canh Hiền, huyện Vân Canh.

+ Xã Ân Nghĩa, huyện Hoài Ân: đạt 18/19 TC, còn lại nội dung: Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường chưa đạt yêu cầu theo quy định; hiện xã đang triển khai và dự kiến hoàn thành đạt chuẩn trong năm 2022.

+ Xã Mỹ Thắng, huyện Phù Mỹ đạt 18/19 tiêu chí, còn lại nội dung Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn chưa đạt, do xã chưa có công trình cấp nước sạch tập trung; Giai đoạn 2021-2025, tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư công trình cấp nước sạch tập trung cho các xã khu đông ven biển, trong đó có xã Mỹ Thắng, hiện đang chờ triển khai thực hiện; nên xã Mỹ Thắng không đạt chuẩn NTM năm 2022.

- Đối với kế hoạch xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, gồm 10 xã: Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn; Nhơn Lộc, Nhơn An, thị xã An Nhơn; Phước Nghĩa, Phước Quang, huyện Tuy Phước; Cát Hanh, huyện Phù Cát; Mỹ Quang, Mỹ Châu, huyện Phù Mỹ; Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân; Bình Tường, huyện Tây Sơn. Kết quả đến nay như sau:

+ Xã Nhơn Lộc, Nhơn An, thị xã An Nhơn; Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn, Cát Hanh, huyện Phù Cát; Phước Quang, huyện Tuy Phước đạt từ 15 đến 17/19 tiêu chí: các tiêu chí còn lại chủ yếu chờ kết quả đánh giá cuối năm để hoàn thiện hồ sơ đạt chuẩn và một số tiêu chí còn đang đánh giá, thực hiện dự kiến đạt trong năm 2022, như môi trường, tổ chức sản xuất, y tế,...

+ Các xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước; Mỹ Quang, Mỹ Châu (huyện Phù Mỹ), Ân Tường Tây (huyện Hoài Ân): theo đánh giá đạt từ 13-17/19 tiêu chí; tuy nhiên nhìn chung mức độ đạt chuẩn các tiêu chí còn thấp, cảnh quan môi trường, khuôn viên khu trung tâm xã, các khu vui chơi giải trí các thôn, ... còn chưa được đầu tư đúng mức. Các địa phương cần tiếp tục tuyên truyền, vận động nhân dân cùng chung tay triển khai xây dựng NTM, tiếp tục đầu tư cảnh quan, môi trường, các địa điểm vui chơi sinh hoạt công cộng, khu trung tâm xã và các thôn để đạt chuẩn NTM nâng cao trong năm 2022.

2.2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

2.2.1. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (từ năm 2021-2023)

Năm 2021, đã phê duyệt Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020 quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của UBND tỉnh).

Năm 2022, đã phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ. Tỷ lệ nghèo đa chiều, số hộ nghèo, hộ cận nghèo được phê duyệt là cơ sở thực hiện chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội, làm tiêu chí nghèo đa chiều khi xem xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và các chính sách kinh tế - xã hội khác trong năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh

(Có Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh kèm theo).

2.2.2. Kết quả triển khai các dự án thành phần chương trình

Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo

- Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo An Lão, kinh phí 61.619 triệu đồng, thực hiện 20 công trình (06 công trình đường giao thông; 06 công trình thủy lợi; 04 công trình giáo dục; 02 công trình y tế; 02 công trình hạ tầng kỹ thuật).

- Duy tu bảo dưỡng công trình, kinh phí 1.795 triệu đồng: Sửa chữa nâng cấp tuyến đường từ cầu Hlong Hoai đến UBND xã An Vinh (1.000 triệu đồng), nâng cấp tuyến đường Thôn 1 xã An Vinh (795 triệu đồng)

Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, kinh phí 12.396 triệu đồng, trong đó:

a) Phân bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, kinh phí 1.858 triệu đồng;

b) Phân bổ cho UBND các huyện, thị xã, thành phố, kinh phí: 10.538 triệu đồng.

- Trên cơ sở thống nhất của cơ quan quản lý và hướng dẫn nguồn kinh phí sự nghiệp (Sở Tài chính), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn các

huyện, thị xã, thành phố khẩn trương tổ chức thực hiện Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo. Theo đó, áp dụng tạm thời thực hiện theo Quyết định số 79/2017/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số Dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh như Công văn số 6162/UBND-TH ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh về việc áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật và mức hỗ trợ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững và Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN.

Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, kinh phí 5.363 triệu đồng.

- Phân bổ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kinh phí 107 triệu đồng;

- Phân bổ cho UBND các huyện, thị xã, thành phố: 5.256 triệu đồng.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Hướng dẫn số 2915/SNN-PTNT ngày 28/10/2022 triển khai thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Định mức kinh tế kỹ thuật và mức hỗ trợ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững áp dụng tạm thời thực hiện theo Quyết định số 79/2017/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 đã được UBND tỉnh có Công văn số 6162/UBND-TH ngày 24/10/2022 cho chủ trương thực hiện tạm thời trong năm 2022.

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

Thực hiện Quyết định số 3327/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025, Sở Y tế đã ban hành Quyết định số 2064/QĐ-SYT ngày 24/10/2022 ban hành Kế hoạch thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2022, thực hiện các nội dung:

- Tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ: Tình hình các thể thiếu dinh dưỡng trẻ em dưới 16 tuổi và trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú sinh sống trên địa bàn huyện An Lão

- Thực hiện các hoạt động can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em 0-16 tuổi; hoạt động về truyền thông dinh dưỡng theo Kế hoạch chương trình dinh dưỡng năm 2022 của ngành Y tế: Cấp phát viên đa vi chất cho phụ nữ có thai từ khi phát hiện mang thai đến 01 tháng sau sinh; bổ sung Vitamin A cho trẻ em từ 6-60 tháng

tuổi, trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tiêu chảy, sỏi, viêm đường hô hấp cấp và phụ nữ trong vòng 01 tháng sau sinh; tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú; tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp, thực hành dinh dưỡng tại Trạm Y tế xã, thôn bản theo hướng dẫn của Trung ương,...

- Xây dựng, biên tập các nội dung truyền thông tại cộng đồng phù hợp thực tiễn địa phương đảm bảo đúng quy định hiện hành. Tăng cường công tác phổ biến, truyền thông về dinh dưỡng với nội dung đa dạng bằng nhiều hình thức, nhiều kênh truyền thông.

Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững, kinh phí 42.427 triệu đồng, trong đó: Đầu tư phát triển, kinh phí 22.830 triệu đồng; hỗ trợ sự nghiệp, kinh phí 19.597 triệu đồng, kết quả từng Tiểu dự án như sau:

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn, kinh phí 38.373 triệu đồng, trong đó:

- Phân bổ vốn hỗ trợ đầu tư, kinh phí: 21.735 triệu đồng (trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn, kinh phí 11.009 triệu đồng; trường Cao đẳng Y tế Bình Định, kinh phí 10.726 triệu đồng).

Các trường đã lập danh mục mua sắm trang thiết bị đào tạo nghề trọng điểm và đang thực hiện công đoạn về thẩm định giá đối với các danh mục thiết bị cần mua sắm. Hiện trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn chưa có chứng thư thẩm định giá, nên trường chưa triển khai các thủ tục tiếp theo. Trường Cao đẳng Y tế Bình Định đã có chứng thư thẩm định giá đối với 02 ngành nghề trọng điểm và đang tiếp tục hoàn thiện thủ tục phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho công trình mua sắm trang thiết bị đào tạo cho 02 ngành, nghề trọng điểm.

- Phân bổ vốn hỗ trợ sự nghiệp, kinh phí: 16.638 triệu đồng, trong đó:

+ 02 trường Cao đẳng, kinh phí 2.496 triệu đồng (trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn 1.264 triệu đồng; trường Cao đẳng Y tế Bình Định, kinh phí 1.232 triệu đồng), kết quả nguồn kinh phí sự nghiệp của 02 trường: Trường Cao đẳng KTCN Quy Nhơn và Trường Cao đẳng Y tế Bình Định lập danh mục mua sắm trang thiết bị đào tạo nghề trọng điểm của các trường.

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, kinh phí 3.328 triệu đồng, kết quả: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện các nội dung: Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng; Điều tra khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề của người lao động trên địa bàn tỉnh; Lồng ghép với Tiểu dự án 3 Dự án 5 Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 để thực hiện xây dựng Phần mềm tin học để nhập tin và xử lý, tổng hợp số liệu điều tra thống kê. Hiện tại, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đang tiến hành triển khai thực hiện các nội dung trên theo Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 03/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ UBND các huyện, thị xã, thành phố, kinh phí 10.814 triệu đồng, kết quả: UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp. UBND các huyện, thị xã, thành phố đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề cho người lao động tại địa phương. Đến thời điểm này (tháng 11) đã tổ chức được 71 lớp đào tạo nghề cho người lao động với số lượng 1.874 người.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, kinh phí 224 triệu đồng, trong đó: Phân bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, kinh phí 40 triệu đồng; phân bổ cho UBND huyện An Lão, kinh phí 184 triệu đồng, kết quả:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đang tiến hành ký hợp đồng với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Bình Định thực hiện chi hỗ trợ người làm công tác trực tiếp giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- UBND huyện An Lão thực hiện lồng ghép với kế hoạch truyền thông trên địa bàn nhằm tuyên truyền cho người lao động nắm bắt chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại địa phương. Đến nay, địa phương chưa tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ các chi phí của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững, kinh phí 3.830 triệu đồng, trong đó:

- Phân bổ vốn hỗ trợ đầu tư phát triển, kinh phí: 1.095 triệu đồng, trong đó:

+ Trung tâm Dịch vụ Việc làm Bình Định, kinh phí 715 triệu đồng, kết quả:

(i) Về hiện đại hóa thông tin thị trường lao động: Trung tâm Dịch vụ việc làm Bình Định căn cứ hiện trạng, nhu cầu của đơn vị để đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin (bao gồm cả phần cứng, phần mềm) đảm bảo phục vụ các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ thu thập, phân tích, dự báo thông tin thị trường lao động.

(ii) Về xây dựng sàn giao dịch việc làm trực tuyến và cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc: Trung tâm Dịch vụ việc làm Bình Định căn cứ hiện trạng, nhu cầu của đơn vị để đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin (phần cứng) đảm bảo phục vụ hoạt động giao dịch việc làm trực tuyến và thu thập, cập nhật, lưu trữ, khai thác sử dụng thông tin việc tìm người - người tìm việc.

+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Bình Định, kinh phí 380 triệu đồng¹²

- Phân bổ vốn hỗ trợ sự nghiệp, kinh phí: 2.735 triệu đồng, trong đó: Phân

¹²Đang xin ý kiến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để thực hiện

bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 274 triệu đồng; phân bổ cho UBND các huyện, thị xã, thành phố, kinh phí 2.461 triệu đồng, kết quả:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giao Trung tâm Dịch vụ việc làm Bình Định thực hiện nội dung về hỗ trợ giao dịch việc làm và hỗ trợ kết nối việc làm thành công (có giao kết hợp đồng lao động) cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

+ UBND các huyện, thị xã, thành phố chưa triển khai thực hiện vì Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chưa hướng dẫn phương án thu thập thông tin về người lao động.

Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

Thực hiện Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Công văn số 4486/BXD-QLN ngày 05/10/2022 về việc triển khai thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Sở Xây dựng lấy ý kiến các sở, ban, ngành và địa phương để trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện An Lão.

Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin, kinh phí 868 triệu đồng, trong đó:

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin, kinh phí 386 triệu đồng, Sở Thông tin và Truyền thông đang triển khai thực hiện.

- Tổ chức 01 Hội nghị triển khai thực hiện chương trình và hướng dẫn các quy định của Bộ TT và TT đối với việc thực hiện chương trình.

- Tổ chức 01 Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ phụ trách lĩnh vực thông tin - truyền thông về công tác giảm nghèo tại cơ sở trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan báo chí sản xuất mới các tác phẩm báo chí và các sản phẩm truyền thông khác để cung cấp nội dung thiết yếu cho xã hội

- Giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện các Kế hoạch, các dự án tại địa phương.

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo, kinh phí 482 triệu đồng, trong đó:

- Phân bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, kinh phí 167 triệu đồng:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các hoạt động truyền thông về giảm nghèo gắn với việc thực hiện Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh ban hành kế

hoạch thực hiện Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Phối hợp với các cơ quan báo, tạp chí thông tin, tuyên truyền về các chính sách, dự án về giảm nghèo trên địa bàn; phối hợp với UBND huyện Vân Canh, huyện An Lão xây dựng cụm pano tuyên truyền chủ trương, chính sách, dự án về giảm nghèo.

- Phân bổ cho UBND các huyện, thị xã, thành phố, kinh phí 315 triệu đồng:

Hiện nay, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành kế hoạch, triển khai tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông về giảm nghèo trong năm 2022. Một số địa phương xây dựng các cụm pano, tờ rơi để lồng ghép tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về giảm nghèo bền vững đến năm 2030 theo Chỉ thị số 05-CT/TW của Ban Bí thư.

Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình, kinh phí 4.773 triệu đồng, trong đó:

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực, kinh phí 3.118 triệu đồng, trong đó:

- Phân bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, kinh phí 680 triệu đồng:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ quy định tại Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025 đã xây dựng Kế hoạch thực hiện hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2022, cụ thể:

Phối hợp với Trường Đại học Lao động xã hội (cơ sở II) tổ chức 05 lớp tập huấn cho 911 cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, trong đó có 636 cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã. Mỗi lớp tập huấn trong 02 ngày.

Nội dung tập huấn liên quan đến các chính sách, dự án về giảm nghèo trong giai đoạn 2021-2025; nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn của người làm công tác giảm nghèo cấp xã.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã thông báo mời huyện nghèo An Lão và các Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tham dự Hội nghị tập huấn triển khai Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tại Hà Giang do Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức. Thời gian từ ngày 03/11 đến ngày 05/11/2022.

- Phân bổ cho Sở Thông tin và Truyền thông, kinh phí 100 triệu đồng, đang triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện.

- Phân bổ cho UBND các huyện, thị xã, thành phố, kinh phí 2.338 triệu

đồng:

UBND các huyện, thị xã, thành phố đang triển khai thực hiện hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã, thôn/khu phố.

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình, kinh phí 1.655 triệu đồng, trong đó:

- Phân bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, kinh phí 244 triệu đồng:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng kế hoạch thực hiện hoạt động giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình năm 2022, trong đó có các nội dung:

(i) Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh tổ chức hoạt động giám sát, đánh giá tại các huyện, thị xã, thành phố trong Quý IV năm 2022.

(ii) Thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức 02 hội nghị tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 cho cán bộ làm công tác cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (quy trình, bộ công cụ, phiếu rà soát theo Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 12/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh); thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình tại địa phương.

- Phân bổ cho các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, kinh phí 170 triệu đồng. Hiện nay, các sở, ban, ngành đang triển khai thực hiện giám sát, đánh giá các dự án, hoạt động của Chương trình do đơn vị quản lý, theo dõi.

- Phân bổ cho UBND các huyện, thị xã, thành phố, kinh phí 1.241 triệu đồng, UBND các huyện, thị xã, thành phố đang triển khai thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình và hoạt động rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 cho cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở và điều tra viên thôn/khu phố.

2.2.3. Kết quả giải ngân vốn so với kế hoạch

(Chi tiết theo Phụ lục 6 đính kèm)

2.3. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

2.3.1. Về thực hiện phân định địa bàn, đối tượng, phạm vi thực hiện

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh số thôn, xã, huyện thụ hưởng Chương trình gồm: 22 xã thuộc khu vực III (bao gồm: H. An Lão có 8 xã, thị trấn; H. Vĩnh

Thanh có 5 xã; H. Vân Canh có 5 xã, thị trấn; H. Hoài Ân có 3 xã và H. Tây Sơn có 1 xã) đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021; 7 thôn ĐBK (bao gồm: H. An Lão có 1 thôn thuộc xã An Tân; H. Vĩnh Thạnh có 5 thôn thuộc TT. Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Thịnh, xã Vĩnh Hảo; H. Tây Sơn có 01 thôn thuộc xã Tây Xuân) đã được Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành tại Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021.

2.3.2. Kết quả thực hiện của các dự án, tiểu dự án:

Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt. Kinh phí thực hiện cả giai đoạn: Nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 33.582 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 13.985 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 19.597 triệu đồng). Năm 2022, nguồn Trung ương phân bổ là 6.001 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 4.042 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 1.959 triệu đồng). Ngân sách tỉnh đối ứng năm 2022: 501 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển).

Ban Dân tộc đã ban hành Hướng dẫn số 691/HD-BDT ngày 26/8/2022 hướng dẫn Quy trình rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách đối với Dự án 1, Dự án 2 theo Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc để UBND các huyện thụ hưởng chính sách căn cứ triển khai thực hiện.

- Nội dung Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt phân tán: Năm 2022, ngân sách trung ương bố trí: 3.127 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 1.042 triệu đồng, vốn sự nghiệp 1.959 triệu đồng). Ngân sách tỉnh đối ứng 126 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển).

- Nội dung Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Năm 2022, ngân sách trung ương bố trí: 3.000 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 1.042 triệu đồng, vốn sự nghiệp 1.959 triệu đồng). Ngân sách tỉnh đối ứng 375 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển).

Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết. Kinh phí thực hiện cả giai đoạn: Nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 77.700 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 77.317 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 383 triệu đồng). Trong đó, năm 2022 nguồn Trung ương phân bổ là 13.917 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển). Ngân sách tỉnh đối ứng năm 2022: 1.789 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển).

Thực hiện Hướng dẫn số 691/HD-BDT ngày 26/8/2022 của Ban dân tộc tỉnh, hiện nay các huyện liên quan đang tổ chức rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách bố trí dân cư tập trung năm 2022 báo cáo UBND tỉnh phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng theo dự án. Đồng thời, triển khai khảo sát, lập quy hoạch, thiết kế, lập dự toán trình cấp thẩm quyền thẩm định, trình phê duyệt, xây dựng phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị: Kinh phí thực hiện cả giai đoạn: Nguồn ngân sách trung ương phân bổ 273.329 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Trong đó, năm 2022 nguồn Trung ương phân bổ là 36.642 triệu

đồng (vốn sự nghiệp).

- **Tiểu dự án 1:** Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ và nâng cao thu nhập cho người dân: Kinh phí thực hiện cả giai đoạn: Nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 201.134 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Trong đó, năm 2022 nguồn Trung ương phân bổ là 29.427 triệu đồng (vốn sự nghiệp). UBND các huyện đã giao Ban Quản lý Rừng phòng hộ tổ chức thực hiện.

- **Tiểu dự án 2:** Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN. Kinh phí thực hiện cả giai đoạn: Nguồn ngân sách trung ương phân bổ 72.195 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Trong đó, năm 2022 nguồn Trung ương phân bổ là 7.215 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ *Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.* Phân bổ kinh phí thực hiện năm 2022: Ngân sách trung ương 5.051 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Các cơ quan trung ương chưa ban hành hướng dẫn thực hiện.

+ *Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý.* Phân bổ kinh phí thực hiện năm 2022: Ngân sách trung ương 721 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Nội dung này đã giao UBND huyện An Lão thực hiện. Tuy nhiên do không đáp ứng các tiêu chí theo Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế nên UBND huyện An Lão đã xin điều chuyển vốn sang tiểu dự án 1 của dự án này.

+ *Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN:* Phân bổ kinh phí thực hiện năm 2022: Ngân sách trung ương 1.443 triệu đồng (vốn sự nghiệp); ngân sách địa phương 216 triệu đồng (vốn đối ứng: vốn sự nghiệp). Đã ban hành Kế hoạch và đang triển khai thực hiện theo Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh.

Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc. Kinh phí thực hiện cả giai đoạn: Nguồn ngân sách trung ương phân bổ 282.888 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 255.954 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 26.934 triệu đồng). Trong đó, năm 2022 nguồn Trung ương phân bổ là 48.764 triệu đồng (trong đó vốn đầu tư phát triển: 46.072 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 2.692 triệu đồng). Ngân sách tỉnh đối ứng năm 2022: 5.965 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển).

- **Tiểu dự án 1:** Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kinh phí thực hiện cả giai đoạn: Nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 282.888 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 255.954 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 26.934 triệu đồng). Trong đó, năm 2022 nguồn Trung ương phân bổ là 48.764 triệu đồng (trong đó vốn đầu tư phát triển: 46.072 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 2.692 triệu đồng). Ngân sách tỉnh đối ứng năm 2022: 5.965 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển).

+ *Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào DTTS&MN*: Phân bổ kinh phí thực hiện năm 2022: Nguồn ngân sách trung ương là 47.286 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 44.594 triệu đồng, vốn sự nghiệp 2.692 triệu đồng). Ngân sách tỉnh đối ứng 5.765 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển). Về vốn đầu tư phát triển, UBND các huyện đã giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện, UBND các xã, thị trấn liên quan triển khai thực hiện và dự kiến giải ngân hết vốn đã phân bổ trong năm 2022. Về vốn sự nghiệp, do chưa có hướng dẫn thực hiện công tác quản lý, vận hành và duy tu bảo dưỡng công trình (quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 34 Thông tư số 02/2022/TT-UBND) nên hiện nay UBND các huyện chưa có cơ sở để triển khai nguồn vốn duy tu bảo dưỡng thuộc tiểu dự án này của Chương trình.

+ *Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS&MN*: Phân bổ kinh phí thực hiện năm 2022: Ngân sách trung ương 1.478 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển). Ngân sách tỉnh đối ứng 200 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển). Hiện tại, UBND huyện Tây Sơn đang triển khai thực hiện dự án Xây dựng chợ xã Vĩnh An theo quy định. UBND huyện Vân Canh đang trình xin chuyển vốn đã được bố trí tại nội dung số 02 sang nội dung số 01 thuộc tiểu dự án này.

Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Kinh phí thực hiện cả giai đoạn: Nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 124.152 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 63.332 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 60.820 triệu đồng). Trong đó, năm 2022 Trung ương phân bổ là 17.478 triệu đồng (trong đó vốn đầu tư phát triển: 11.400 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 6.078 triệu đồng). Ngân sách tỉnh đối ứng năm 2022: 1.471 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển).

- **Tiểu dự án 1:** Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (trường phổ thông có học sinh bán trú) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Kinh phí thực hiện cả giai đoạn: Nguồn ngân sách trung ương phân bổ 74.989 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 63.332 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 11.657 triệu đồng). Trong đó, Trung ương phân bổ là 12.565 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 11.400 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 1.165 triệu đồng). Ngân sách tỉnh đối ứng năm 2022: 1.471 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển). Về vốn đầu tư phát triển, Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện đang triển khai thực hiện các nội dung đã được giao vốn.

- **Tiểu dự án 2:** Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN: Kinh phí thực hiện cả giai đoạn: Ngân sách trung ương phân bổ 9.971 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Trong đó, năm 2022 Trung ương phân bổ là 996 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ *Nội dung số 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc*: Phân bổ kinh phí thực hiện năm 2022: Ngân sách trung ương 996 triệu đồng.

+ *Nội dung số 02: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học. Phân bổ kinh phí thực hiện năm 2022: Ngân sách trung ương 199 triệu đồng.*

- **Tiểu dự án 3:** Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTT&MN: Kinh phí thực hiện cả giai đoạn: Nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 23.832 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Trong đó, năm 2022 Trung ương phân bổ là 2.382 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Các cơ quan trung ương chưa ban hành hướng dẫn thực hiện.

- **Tiểu dự án 4:** Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp: Kinh phí thực hiện cả giai đoạn: Ngân sách trung ương phân bổ 15.360 (vốn sự nghiệp). Trung ương phân bổ năm 2022: 1.535 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Ban Dân tộc đang trình phê duyệt kế hoạch.

* **Dự án 6:** Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: Kinh phí thực hiện cả giai đoạn: Nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 56.121 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 37.865 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 18.256 triệu đồng). Trong đó, năm 2022 Trung ương phân bổ là 8.628 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 6.833 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 1.795 triệu đồng). Ngân sách tỉnh đối ứng năm 2022: 1.023 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển). Hiện tại, UBND các huyện thuộc Chương trình đang xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện. Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch trên cơ sở các quy định, hướng dẫn của các cơ quan trung ương, đang tổng hợp nhu cầu các huyện và phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục các công trình, dự án triển khai thuộc Dự án này.

* **Dự án 7:** Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em: Kinh phí thực hiện cả giai đoạn: Ngân sách trung ương phân bổ 9.630 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Trung ương phân bổ năm 2022: 937 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Đã ban hành Kế hoạch và đang triển khai thực hiện theo Quyết định số 3302/QĐ-UBND ngày 10/10/2022.

* **Dự án 8:** Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: Kinh phí thực hiện cả giai đoạn: Ngân sách trung ương phân bổ 24.660 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Trung ương phân bổ năm 2022: 2.464 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Đã ban hành và đang triển khai thực hiện theo Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh.

* **Dự án 9:** Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn: Kinh phí thực hiện cả giai đoạn: Ngân sách trung ương phân bổ 92.553 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Trong đó, năm 2022 Trung ương phân bổ là 9.247 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- **Tiểu dự án 1:** Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù. Phân bổ kinh phí thực hiện năm 2022: Kinh phí thực hiện cả giai đoạn: Ngân sách trung ương phân bổ 84.572 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Trong đó, năm 2022 Trung ương phân bổ là 8.449

triệu đồng (vốn sự nghiệp). Các cơ quan trung ương chưa ban hành hướng dẫn thực hiện. Theo Quyết định 2434/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND tỉnh, các đối tượng thụ hưởng tiêu dự án này sẽ không được thụ hưởng các dự án khác, do đó các huyện liên quan và Ban dân tộc tỉnh đang đề xuất không thực hiện và chuyển phần kinh phí thực hiện sang tiêu dự án 2 của dự án này.

- **Tiêu dự án 2:** Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN. Phân bổ kinh phí thực hiện năm 2022: Kinh phí thực hiện cả giai đoạn: Ngân sách trung ương phân bổ 7.981 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Trong đó, năm 2022 Trung ương phân bổ 798 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Đã ban hành Kế hoạch và đang triển khai thực hiện theo Quyết định số 3257/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của UBND tỉnh.

* **Dự án 10:** Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

Kinh phí thực hiện cả giai đoạn: Ngân sách trung ương phân bổ 21.559 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 10.290 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 11.269 triệu đồng). Trong đó, năm 2022 Trung ương phân bổ 2.978 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 1.852 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 1.126 triệu đồng). Ngân sách tỉnh đối ứng năm 2022: 251 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển).

- **Tiêu dự án 1:** Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và CTMTQG. Kinh phí thực hiện cả giai đoạn: Ngân sách trung ương phân bổ 5.702 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Trong đó, năm 2022 Trung ương phân bổ 570 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Đã ban hành Kế hoạch và đang triển khai thực hiện theo Quyết định số 3149/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh.

- **Tiêu dự án 2:** Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN. Kinh phí thực hiện cả giai đoạn: Ngân sách trung ương phân bổ 12.854 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 10.290 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 2.564 triệu đồng). Trong đó, năm 2022 Trung ương phân bổ 2.108 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 1.852 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 256 triệu đồng). Ngân sách tỉnh đối ứng năm 2022: 251 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển). Về vốn đầu tư phát triển, hiện đang tạm dừng thực hiện vì chưa có hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- **Tiêu dự án 3:** Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình. Kinh phí thực hiện cả giai đoạn: Ngân sách trung ương phân bổ 3.003 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Trong đó, năm 2022 Trung ương phân bổ 300 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Đã ban hành và đang triển khai thực hiện theo Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh.

2.3.3. Kết quả phân bổ và giải ngân vốn so với kế hoạch

(Chi tiết theo Phụ lục 4.3, 6 đính kèm)

3. Đánh giá chung

3.1. Về công tác chỉ đạo, điều hành chung cả 3 Chương trình MTQG

3.1.1. Kết quả đạt được

Được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Đến nay, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản pháp lý về chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện, bám sát Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Đặc biệt đã ban hành các quy định, bao gồm: Quy định phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện dự án đầu tư thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Quy định Cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các CTMTQG¹³; Quy định cơ chế huy động nguồn lực và lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh; Quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ¹⁴;... để các đơn vị, địa phương được giao vốn có cơ sở triển khai thực hiện.

3.1.2. Hạn chế, khó khăn và nguyên nhân

Đến cuối tháng 5 năm 2022, Trung ương mới có quyết định giao kế hoạch vốn 03 Chương trình MTQG cho địa phương; thủ tục giao vốn cần phải trình HĐND các cấp thông qua; Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt dự án cần nhiều thời gian; vì vậy nên đến cuối năm 2022 tỷ lệ giải ngân chỉ đạt 37,72% so với kế hoạch vốn được giao.

3.2. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

3.2.1. Kết quả đạt được

- Đã ban hành Ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Tỉnh Bình Định chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021 – 2025”. Qua đó đã góp phần đẩy mạnh công tác triển khai thực hiện, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức và vận động các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chủ động, trách nhiệm, tích cực tham gia thực hiện thắng lợi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới.

- Đến cuối năm 2022, có thêm 04 xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (đạt 100% kế hoạch năm); lũy kế đến hết năm 2022 có 87/133 xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (đạt

¹³ Quyết định số 92/2022/QĐ-UBND ngày 29/12/2022

¹⁴ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 06/01/2023

tỷ lệ 77,0%).

- Toàn tỉnh có 133 sản phẩm được UBND tỉnh phê duyệt công nhận sản phẩm đạt OCOP cấp tỉnh (06 sản phẩm đạt hạng tiềm năng 5 sao, 14 sản phẩm đạt hạng 4 sao, 113 sản phẩm đạt hạng 3 sao).

3.2.2. Hạn chế, khó khăn và nguyên nhân

- Việc ban hành khung pháp lý quy định thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của Trung ương và các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan về thực hiện Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới còn chậm, dẫn đến các địa phương không có cơ sở triển khai thực hiện, lúng túng trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 quy định một số tiêu chí, nội dung rất cao, khó đạt được đối với các xã xây dựng nông thôn mới của tỉnh, như: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ; Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa; tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng...

- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020 đến nay đã hết thời hạn, việc hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương về rà soát điều chỉnh, bổ sung hoặc lập mới quy hoạch giai đoạn 2021-2025 chậm dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai lập kế hoạch xây dựng nông thôn mới trung hạn 2021-2025 và hàng năm của các xã.

- Công tác đào tạo, tập huấn, hướng dẫn triển khai thực hiện Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 chưa kịp thời, dẫn đến các địa phương còn lúng túng, bị động trong triển khai thực hiện Chương trình. Nguyên nhân là do văn bản hướng dẫn, quy định của các Bộ, ngành Trung ương còn chậm, một số đã ban hành (như tiêu chí y tế...) nhưng chưa cụ thể dẫn đến các địa phương khó triển khai thực hiện.

3.3. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

3.3.1. Kết quả đạt được

- Các Bộ, ngành trung ương đã có các văn bản hướng dẫn cho địa phương thực hiện các Dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trong năm 2022, giúp cho địa phương chủ động tổ chức, triển khai thực hiện các Dự án theo quy định.

- Sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời liên tục của UBND tỉnh đã đẩy nhanh tiến độ thực hiện của các Dự án tại các huyện, thị xã, thành phố, nhất là dự án đầu tư cơ sở hạ tầng huyện nghèo An Lão.

3.3.2. Hạn chế, khó khăn và nguyên nhân

Trong quá trình triển khai Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn), UBND các huyện, thị xã, thành phố đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề cho người lao động tại địa phương. Tuy nhiên,

một số địa phương vẫn chưa mở được lớp đào tạo vì đối tượng tuyển sinh là người lao động có thu nhập thấp chưa có hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3.4. Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

3.4.1. Kết quả đạt được

Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 đúng quy định. Trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước; Nghị quyết về kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết về phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện Chương trình.

Tỉnh đã bám sát các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh uỷ, HĐND và tập trung phối hợp với các cấp, các ngành thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH, các chương trình, dự án, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước đảm bảo kịp thời và đúng quy định. Góp phần thực hiện thành công các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và công tác an sinh xã hội trên địa bàn.

Căn cứ văn bản của Ủy ban dân tộc và các bộ, ngành, UBND tỉnh đã chủ động giao các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thuộc Chương trình. Các đơn vị, địa phương được giao làm chủ đầu tư đã cơ bản bám sát hướng dẫn và áp dụng theo đúng quy định.

3.4.2. Hạn chế, khó khăn và nguyên nhân

- Là năm đầu tiên thực hiện, chương trình có nhiều nội dung mới, với nhiều dự án, tiểu dự án thành phần liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành tham gia cùng thực hiện nên việc tổ chức triển khai ở địa phương còn hạn chế.

- Một số bộ, ngành Trung ương chưa ban hành hướng dẫn thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình: Tiểu dự án 2. Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN thuộc Dự án 3; Tiểu dự án 3. Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Dự án 5; Tiểu dự án 1. Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù thuộc Dự án 9); Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN thuộc Dự án 10.

- Riêng đối với Dự án 6:

+ Theo Hướng dẫn số 677/HD-BVHTTDL ngày 03/3/2022 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, tại khoản 15 mục II “Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hoá truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số” thì phải áp dụng quy trình thực hiện 14 bước, trong đó có 02 bước (bước 6 và bước 8) phải trình Bộ

Văn hoá, Thể thao và Du lịch thẩm định, nên sẽ gây khó khăn và mất rất nhiều cho địa phương thực hiện đối với nội dung này;

+ Theo Hướng dẫn số 677/HD-BVHTTDL ngày 03/3/2022 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, tại khoản 18 Mục II “*Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*”, đối tượng hỗ trợ chỉ bao gồm các xã, thôn, bản vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTg của Chính phủ, chưa bao gồm các thôn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 về phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

+ Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch giao các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể để thực hiện trong năm (Công văn số 2651/BVHTTDL-KHTC ngày 19/7/2022 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch). Căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể được giao, các địa phương không thể chủ động lựa chọn danh mục đầu tư cho phù hợp với tình hình thực tiễn, nên khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

- Chưa có quy định cụ thể về định mức hỗ trợ (đất ở, đất sản xuất) cho đối tượng thụ hưởng các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình, nên địa phương không có cơ sở để triển khai thực hiện.

- Một số Dự án được trung ương cấp vốn đồng thời cấp mã nguồn ngân sách Dự án (vốn sự nghiệp), có Dự án tỉnh không có đối tượng triển khai nhưng không điều chuyển sang nội dung Dự án khác do khác mã nguồn ngân sách. Cụ thể Dự án 9: tỉnh không triển khai thực hiện được nội dung này, vì đối tượng thụ hưởng được hỗ trợ có thu hồi vốn và không được hưởng các chính sách khác của Chương trình.

Nguồn vốn sự nghiệp của Trung ương phân bổ hằng năm đã phân bổ chi tiết đến từng dự án, tiểu dự án và từng nhiệm vụ chi cụ thể (nguồn sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, sự nghiệp đảm bảo xã hội, sự nghiệp văn hoá thông tin, sự nghiệp y tế, dân số và gia đình). Do đó, địa phương không được chủ động để phân bổ vốn cho các nội dung hỗ trợ phù hợp với tình hình thực tế.

4. Bài học kinh nghiệm

Một là, quyết liệt, đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo, chấp hành, cụ thể hoá chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật để tổ chức thực hiện Chương trình từ tỉnh đến cơ sở. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Kịp thời tháo gỡ ngay những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình.

Hai là, kịp thời, chủ động phối hợp tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương, thể hiện sự đổi mới tư duy, sáng tạo về xây dựng và thực hiện Chương trình. Các văn bản hướng dẫn có sự tham gia của các địa

phương, sát thực tế hơn, phù hợp hơn với điều kiện địa phương, đặc biệt là vùng đồng bào DTTS & MN.

Ba là, phải bám sát cơ sở, nắm chắc tình hình, nhận thức đúng đắn, thống nhất quan điểm trong chỉ đạo, điều hành và nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ đến kết quả cuối cùng.

Bốn là, chủ động thông tin kịp thời, chính xác về tình hình triển khai thực hiện, công khai, minh bạch trong chỉ đạo, điều hành để củng cố niềm tin trong Nhân dân, tạo sự đồng thuận trong xã hội. Động viên, khích lệ, khen thưởng kịp thời; đồng thời phối hợp tham mưu kiểm tra, giám sát, tranh tra xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật (nếu có).

Năm là, phương pháp, phong cách lãnh đạo, quản lý của lãnh đạo một số sở, ngành, địa phương cần linh hoạt. Đội ngũ cán bộ, công chức cần được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ về lý luận, năng lực chuyên môn và kiến thức thực tiễn trong thực hiện Chương trình. Phát huy sự đoàn kết, nhất trí, đồng lòng, qua đó huy động và phát huy tổng hợp sức mạnh của các địa phương và khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Luôn bám sát chủ trương của Đảng, tuân thủ chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đặt lợi ích dân tộc lên trên hết trong chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc, vì sự phát triển và lợi ích chung.

Phần 3

GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Giải pháp

1.1. Giải pháp chung

- Đẩy mạnh triển khai Kế hoạch truyền thông, tuyên truyền về các Chương trình MTQG theo các Kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.
- Kịp thời tham mưu Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh kiến nghị, đề xuất với Trung ương những nội dung kiến nghị của các địa phương vượt thẩm quyền giải quyết của tỉnh.
- Triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn 2021-2025 và hàng năm chi tiết theo từng danh mục dự án.
- Tổ chức các Đoàn công tác đi kiểm tra thực tế tại các huyện để nắm bắt cụ thể tình hình triển khai thực hiện các Chương trình.
- Tiếp tục đôn đốc UBND các huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư thụ hưởng các Chương trình MTQG đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện.
- Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng

cán bộ thực hiện Chương trình MTQG các cấp giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh và triển khai kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng năm 2023.

1.2. Giải pháp Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Triển khai lập Quy hoạch chung xây dựng xã đối với các xã xây dựng nông thôn mới của tỉnh thời kỳ 2021-2030 theo hướng đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2022-2025, gồm: xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu; huyện đạt chuẩn nông thôn mới (huyện Phù Mỹ, Tây Sơn), huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (huyện Tuy Phước); trên cơ sở đó xác định nhu cầu đầu tư để đạt chuẩn theo bộ tiêu chí; làm cơ sở để ưu tiên cân đối, bố trí nguồn lực các cấp (tỉnh, huyện, xã) để triển khai thực hiện, nhằm đạt được các mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025.

- Hoàn thiện và trình Tỉnh ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp thôn quy định đạt chuẩn nông thôn mới đối với các thôn, làng thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực vùng núi của tỉnh giai đoạn 2021-2025. Xây dựng Quy trình xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới trình UBND tỉnh xem xét ban hành triển khai thực hiện.

1.3. Giải pháp Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

- Các sở, ban, ngành của tỉnh chủ trì, quản lý các Dự án, Tiểu dự án, hoạt động của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững thường xuyên theo dõi, đôn đốc UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện các Dự án trên địa bàn để tổng hợp, báo cáo, kịp thời tháo gỡ hoặc đề xuất UBND tỉnh, Bộ, ngành trung ương tháo gỡ khó khăn vướng mắc của địa phương để đảm bảo việc thực hiện các Dự án có hiệu quả, đúng quy định.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở các quy định của Chính phủ, Bộ, ngành trung ương và hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn của tỉnh khẩn trương triển khai thực hiện kịp thời, đúng quy định. UBND huyện An Lão khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đã bố trí cụ thể từng danh mục và thực hiện các hoạt động duy tu bảo dưỡng theo quy định.

1.4. Giải pháp Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách: Tiếp tục phối hợp, tham mưu tổ chức thực hiện tốt hơn nữa Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN, trọng tâm là tập trung tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần để đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình.

2. Tiếp tục Bám sát các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các bộ, ngành

Trung ương trong phối hợp, tham mưu xây dựng, hoàn thiện và ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình; chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện Chương trình đúng tiến độ, hiệu quả, định kỳ báo cáo UBND tỉnh, Ủy ban Dân tộc và các bộ, ngành có liên quan kết quả thực hiện Chương trình.

3. Công tác chỉ đạo, điều hành, phối hợp, tổ chức: Tiếp tục phối hợp tham mưu đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành với phương châm sâu sát, quyết liệt. Đẩy mạnh phân cấp, phân công nhiệm vụ gắn với trách nhiệm và quyền hạn cụ thể. Tăng cường mối quan hệ phối hợp công tác giữa các cấp. Phát huy vai trò của người đứng đầu; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ.

4. Công tác quản lý, triển khai thực hiện: Bố trí, sắp xếp công chức, người lao động phù hợp với chuyên môn, năng lực, trình độ của mỗi người tương ứng với vị trí việc làm; triển khai nắm bắt, kiểm tra, trao đổi thông tin về tình hình thực hiện Chương trình của địa phương bằng nhiều hình thức (trực tiếp hoặc trực tuyến); tổ chức sơ kết, đánh giá, kịp thời tháo gỡ hoặc đề xuất tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra: Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra chuyên đề, đột xuất tại cơ sở nhằm kịp thời tháo gỡ hoặc đề xuất tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình; nâng cao ý thức của người dân trong việc cùng tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình.

2. Đề xuất, kiến nghị

2.1. Đối với các bộ, ngành trung ương

- Đề nghị các bộ, ngành liên quan sớm có hướng dẫn thực hiện các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, như: tiêu chí Y tế; nội dung 12.3, thuộc tiêu chí 12 - Lao động (Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao) và có lộ trình triển khai thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho phù hợp, vì một số tiêu chí chưa thể áp dụng đánh giá tại thời điểm hiện tại như: Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ); Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn; Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng...

- Sớm có văn bản hướng dẫn về đối tượng “*người lao động có thu nhập thấp*” để triển khai Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Hướng dẫn và công nhận các thôn không thuộc thôn đặc biệt khó khăn nhưng đáp ứng đủ tiêu chí 15% hộ đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống theo Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Đối với Dự án 1 thì kinh phí đầu tư của trung ương cấp cho Bình Định rất thấp, trong khi đó nhu cầu thực tế cần hỗ trợ rất nhiều, cụ thể: Đất ở: 1.311

hộ; Nhà ở: 1.638 hộ; Đất sản xuất: 676 hộ; Công trình nước sinh hoạt tập trung: 34 công trình. Do đó, đề nghị Ủy ban Dân tộc rà soát, bổ sung kinh phí cho tỉnh;

- Đề nghị Ủy ban Dân tộc phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tham mưu Thủ tướng Chính phủ bổ sung đối tượng thôn đặc biệt khó khăn không thuộc các xã khu vực II, III được thụ hưởng chính sách phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 theo Quyết định số 1719/2021/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I từ năm 2021 - 2025;

- Đối với Dự án 1: Quy định cụ thể về định mức hỗ trợ về nhà ở, đất ở, đất sản xuất cho đối tượng thụ hưởng; thủ tục thanh quyết toán đối với các nội dung hỗ trợ trực tiếp cho người dân bằng nguồn vốn đầu tư phát triển;

- Đối với Dự án 4: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Định nhiều trạm y tế đã xuống cấp và các tuyến đường giao thông đã bị hư hỏng nặng (bề mặt bê tông đã không còn nữa), bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh vẫn còn 03 làng (làng O2, xã Vĩnh Kim của huyện Vĩnh Thạnh; Canh Tiến, xã Canh Liên và Canh Giao, xã Canh Hiệp của huyện Vân Canh) vẫn chưa có điện lưới quốc gia. Do đó, đề nghị Ủy ban Dân tộc kiến nghị bổ sung kinh phí cho các dự án này;

- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp, chưa triển khai thực hiện được, vì trung ương chưa ban hành nội dung tài liệu đào tạo. Đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm ban hành nội dung tài liệu đào tạo để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện;

- Đối với Dự án 6: Đề nghị Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch:

+ Nội dung *“Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hoá truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số”* đề nghị rút ngắn quy trình thực hiện.

+ Không giao các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể để thực hiện hằng năm, để cho địa phương được chủ động lựa chọn nội dung đầu tư đảm bảo với nội dung của Dự án và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

+ Bổ sung đối tượng thụ hưởng là các thôn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 về phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 để thực hiện nội dung *“Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”*.

- Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù. Đề nghị trung ương xem xét điều chuyển nguồn sự nghiệp kinh tế cấp năm 2023 sang thực hiện nội dung khác phù hợp với điều kiện của địa phương, vì Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 9 trên địa bàn tỉnh không thực hiện được;

- Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN, phân vốn đầu tư phát triển. Đề nghị trung ương sớm hướng dẫn cụ thể để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.

Trên đây là báo cáo của UBND tỉnh Bình Định về kết quả triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, kính gửi Đoàn Giám sát Quốc hội khóa XV. / *Phu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3.

Phu

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh